ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 125 /2026/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 07 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2025/QH15, Luật số 113/2025/QH15, Luật số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15, Luật số 89/2025/QH15, Luật số 132/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 130/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15, Luật số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2023/NĐ-CP, Nghị định số 129/2025/NĐ-CP và Nghị định số 178/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 16/2026/NĐ-CP, Nghị định số 217/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế điều hành hoạt động tại các cửa khẩu biên giới đất liền;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh Tuyên Quang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Bãi bỏ số thứ tự 121 Mục XIV Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn

Nơi nhận
- Như khoản 4 Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở Dữ liệu văn bản QPPL tỉnh (đăng tải);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTN.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 125/2026/QĐ-UBND ngày 07tháng 10 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, phương thức và trách nhiệm phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh Tuyên Quang với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp (sau đây viết tắt là KCN), khu kinh tế (sau đây viết tắt là KKT), các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Nội dung phối hợp quy định tại Quy chế này bao gồm:

a) Quản lý đầu tư;

b) Quản lý quy hoạch, xây dựng;

c) Quản lý môi trường;

d) Quản lý lao động;

đ) Quản lý đất đai và phát triển kết cấu hạ tầng KCN, KKT;

e) Quản lý khoa học và công nghệ;

g) Quản lý xuất nhập khẩu, quản lý thuế;

h) Quản lý an ninh, trật tự; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

i) Phối hợp thực hiện các hoạt động tại cửa khẩu;

k) Công tác xử lý vi phạm hành chính.

3. Những nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi chung là Ban Quản lý).

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi có KCN, KKT (sau đây gọi chung là Uỷ ban nhân dân cấp xã).

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật; đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị; không làm thay hoặc cản trở việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan khác.

2. Bảo đảm sự chủ động, thường xuyên, kịp thời, công khai, minh bạch, thống nhất, hiệu quả trong quá trình phối hợp; tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Bảo đảm mỗi nội dung phối hợp có cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện.

4. Thông tin, tài liệu phục vụ công tác phối hợp phải được cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật; việc quản lý, sử dụng thông tin phải bảo đảm yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Phương thức phối hợp

1. Việc phối hợp được thực hiện thông qua một hoặc các hình thức sau đây:

a) Trao đổi, lấy ý kiến bằng văn bản;

b) Tổ chức họp, hội nghị, làm việc trực tiếp;

c) Phối hợp kiểm tra, khảo sát, làm việc tại hiện trường;

d) Chia sẻ, trao đổi thông tin, dữ liệu thông qua hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật;

đ) Các hình thức phối hợp khác theo yêu cầu của cơ quan chủ trì hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Khi nhận được văn bản đề nghị phối hợp, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu, trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác hoặc cơ quan chủ trì xác định thời hạn khác để bảo đảm tiến độ giải quyết công việc.

3. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia bằng văn bản theo đúng thời hạn yêu cầu, có chính kiến rõ ràng về vấn đề được xin ý kiến, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung tham gia của đơn vị mình.

4. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì tổ chức họp hoặc kiểm tra thực địa để thống nhất nội dung phối hợp; cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử người tham dự đúng thành phần và chuẩn bị đầy đủ ý kiến thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình.

5. Trường hợp hết thời hạn quy định mà cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được xem là thống nhất với nội dung xin ý kiến, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

Chương II
NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 5. Quản lý đầu tư

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với dự án đầu tư trong KCN, KKT thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý;

b) Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư vào KKT, KCN gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định;

c) Phối hợp tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư vào KCN, KKT do các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức; hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và theo thẩm quyền được giao trong quá trình chuẩn bị và triển khai dự án đầu tư; báo cáo định kỳ hoạt động xúc tiến đầu tư với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

d) Tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền;

đ) Cung cấp, cập nhật thông tin về KCN, KKT vào hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình xây dựng và phát triển KCN, KKT;

e) Thuê tư vấn trong nước hoặc tư vấn nước ngoài thực hiện dịch vụ tư vấn chiến lược đầu tư xây dựng và phát triển khu kinh tế;

g) Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến độ góp vốn và triển khai dự án đầu tư; việc thực hiện các điều khoản cam kết đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư; định kỳ đánh giá hiệu quả

hoạt động đầu tư trong KCN, KKT và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

h) Giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại KCN, KKT trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng dự án đầu tư hoặc tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền;

i) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trong KCN, KKT theo quy định;

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất chuyển đổi, xây dựng mô hình khu công nghiệp phát triển theo hướng sinh thái và doanh nghiệp sinh thái trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Phối hợp với Ban Quản lý tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch huy động, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội KCN, KKT; trao đổi, thống nhất với Ban Quản lý về tiến độ và khả năng bố trí nguồn vốn;

b) Phối hợp tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính có liên quan đến hoạt động đầu tư trong KCN, KKT theo quy định và đề nghị của Ban Quản lý;

c) Tổng hợp chương trình, kế hoạch về xúc tiến đầu tư phát triển KCN, KKT do Ban Quản lý tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện xúc tiến đầu tư, mời gọi kết nối nhà đầu tư phát triển KCN, KKT vào chương trình của tỉnh;

d) Phối hợp, trao đổi thông tin với Ban Quản lý trong quá trình thẩm định, theo dõi, kiểm tra, giám sát và quản lý hoạt động đầu tư trong KCN, KKT theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Phối hợp tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, phát triển đô thị, nhà ở và kết cấu hạ tầng theo đề nghị của Ban Quản lý hoặc cơ quan có thẩm quyền; phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của Sở Công Thương

Phối hợp tham gia ý kiến đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý ngành; phối hợp xử lý các vấn đề liên quan đến phát triển công nghiệp, sử dụng năng lượng, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp và các lĩnh vực chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Phối hợp tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc chức năng quản lý nhà nước của Công an tỉnh có liên quan đến hoạt động đầu tư trong KCN, KKT theo quy định và đề nghị của Ban Quản lý.

6. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng

Phối hợp với Ban Quản lý, các cơ quan chức năng tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh của các dự án, công trình trong quá trình triển khai lập quy hoạch, thành lập KCN, KKT và các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN, KKT.

7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với Ban Quản lý trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện quy định của pháp luật;

b) Phối hợp tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc chức năng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan đến hoạt động đầu tư trong KCN, KKT theo quy định và đề nghị của Ban Quản lý;

c) Kịp thời trao đổi thông tin, phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc địa bàn quản lý.

Điều 6. Quản lý quy hoạch, xây dựng

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Chủ trì thực hiện công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng trong KCN, KKT theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, quản lý trật tự xây dựng; đề xuất phương án, quy hoạch xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và các công trình hạ tầng xã hội phục vụ người lao động trong KCN, KKT.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Phối hợp, hướng dẫn Ban Quản lý tổ chức thực hiện công tác quản lý về quy hoạch, xây dựng trong KCN, KKT theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành; kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng và xử lý các vấn đề phát sinh theo đề nghị của Ban Quản lý.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển KCN, KKT;

b) Phối hợp trong thực hiện công khai quy hoạch, quản lý, bảo vệ mốc giới thực hiện công tác quản lý trật tự, xây dựng, quy hoạch theo thẩm quyền.

Điều 7. Quản lý môi trường

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Chủ trì thực hiện các nội dung quản lý và bảo vệ môi trường khác trong KCN, KKT theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phân cấp, ủy quyền;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường; kiểm tra, giám sát việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư trong KCN, KKT theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra, hướng dẫn về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở trong các KCN, KKT và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường của KCN, KKT theo quy định của pháp luật;

đ) Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các văn bản pháp luật, chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường cho chủ đầu tư hạ tầng, các doanh nghiệp trong KCN, KKT;

e) Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của KCN, KKT theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường về công tác bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trong KCN, KKT;

g) Hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư hạ tầng và các doanh nghiệp xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố; kịp thời phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xử lý, khắc phục khi xảy ra sự cố và theo dõi, đôn đốc việc phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật;

h) Phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ do các cơ quan này chủ trì thực hiện.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường KCN, KKT khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Phối hợp, cung cấp thông tin và kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; kết quả cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường cho Ban Quản lý đối với các dự án trong KCN, KKT để phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường;

c) Chia sẻ và công khai dữ liệu về quan trắc môi trường, quan trắc tự động trong KCN, KKT theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Chủ trì hoặc phối hợp kiểm tra trong việc thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường của các dự án trong KCN, KKT theo thẩm quyền.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ trì thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn theo thẩm quyền; quản lý, giám sát tình hình môi trường khu dân cư, khu vực giáp ranh KCN, KKT;

b) Tiếp nhận, tổng hợp phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư liên quan đến các vấn đề môi trường phát sinh từ hoạt động của KCN, KKT; kịp thời thông tin, báo cáo Ban Quản lý và Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, xử lý theo thẩm quyền;

c) Phối hợp với Ban Quản lý, Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; tham gia giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khi có yêu cầu;

d) Phối hợp huy động lực lượng tại chỗ tham gia ứng phó sự cố môi trường, bảo đảm an toàn cho cộng đồng dân cư; tham gia khắc phục, phục hồi môi trường khu vực bị ảnh hưởng theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 8. Quản lý lao động

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Làm đầu mối, phối hợp với Sở Nội vụ, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về lao động tại các doanh nghiệp trong KCN, KKT theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phân cấp, ủy quyền;

b) Phối hợp trao đổi, tổng hợp thông tin về tình hình sử dụng lao động, việc làm, quan hệ lao động, nhu cầu tuyển dụng và khả năng cung ứng lao động; kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng lao động;

c) Phối hợp tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp và người lao động chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, việc làm và các quy định pháp luật có liên quan;

d) Phối hợp nắm tình hình, phòng ngừa và tham gia giải quyết tranh chấp lao động tập thể, ngừng việc tập thể, đình công và các vụ việc phát sinh liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động trong các khu công nghiệp và khu kinh tế theo thẩm quyền;

đ) Phối hợp trao đổi thông tin về tình hình sử dụng lao động là người nước ngoài tại các doanh nghiệp trong KCN, KKT; thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo về lao động, việc làm và quan hệ lao động theo quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan chức năng liên quan thực hiện phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động tại các doanh nghiệp trong KCN, KKT;

b) Phối hợp với Ban Quản lý tham gia giải quyết tranh chấp lao động tập thể, đình công, ngừng việc tập thể theo quy định của pháp luật; đồng thời phối hợp, tổng hợp, báo cáo tình hình lao động, việc làm, quan hệ lao động trong các KCN, KKT và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lao động.

3. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan quản lý xuất nhập cảnh, cư trú, hoạt động của lao động là người nước ngoài tại địa phương; quản lý đăng ký thường trú, tạm trú của công nhân, người lao động đến từ các địa phương khác;

b) Phối hợp đảm bảo công tác an ninh, trật tự khu vực phát sinh vụ việc đình công, bãi công, khiếu kiện liên quan đến công nhân, người lao động trong KCN, KKT;

c) Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra doanh nghiệp trong việc chấp hành các quy định của pháp luật trong sử dụng lao động người nước ngoài.

4. Liên đoàn Lao động tỉnh

Phối hợp với Ban Quản lý, Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; nắm tình hình quan hệ lao động; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đoàn viên, người lao động; tham gia giải quyết các vụ việc phát sinh theo quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan có liên quan tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lao động; hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác tuyển dụng lao động và ổn định quan hệ lao động trên địa bàn;

b) Phối hợp nắm tình hình lao động, kịp thời thông tin các vụ việc phát sinh; tham gia giải quyết theo thẩm quyền hoặc phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp tổng hợp, cung cấp thông tin về tình hình lao động phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Điều 9. Quản lý đất đai và phát triển kết cấu hạ tầng KCN, KKT

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Tiếp nhận đăng ký khung giá và các loại phí sử dụng hạ tầng của nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế; tổ chức thẩm định khung giá và các loại phí sử dụng hạ tầng do nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN, KKT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 27 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2023/NĐ-CP, Nghị định số 129/2025/NĐ-CP và Nghị định số 178/2025/NĐ-CP;

b) Chủ trì xây dựng phương án giá dịch vụ hạ tầng kỹ thuật và giá dịch vụ xử lý nước thải trong KCN, KKT do ngân sách nhà nước đầu tư, gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã giám sát, theo dõi tiến độ sử dụng đất của các dự án trong KCN, KKT và kiểm tra, xác định vi phạm về đất đai trong KCN, KKT;

d) Phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đề xuất giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các nhà đầu tư trong KCN, KKT;

b) Phối hợp với Ban quản lý và các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý vướng mắc liên quan đến công tác quản lý đất đai trong KCN, KKT. Hướng dẫn, giải quyết những vướng mắc có liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành khi có yêu cầu; tổ chức kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp thẩm định khung giá và các loại phí sử dụng hạ tầng do nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN, KKT theo đề nghị của Ban Quản lý.

4. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ hạ tầng kỹ thuật và giá dịch vụ xử lý nước thải trong KCN, KKT do ngân sách nhà nước đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Chủ trì, phối hợp với các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN, KKT trong công tác quản lý ranh giới và thực hiện các thủ tục, hồ sơ thu hồi đất, giải phóng mặt bằng theo quy định; Chỉ đạo tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền;

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trong KCN, KKT; kịp thời bàn giao mặt bằng cho các chủ đầu tư hạ tầng KCN, KKT hoặc nhà đầu tư thứ cấp (nếu có) triển khai dự án, bảo đảm tiến độ theo cam kết;

c) Phối hợp với Ban quản lý và các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết những khó khăn vướng mắc có liên quan đến các lĩnh vực quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã; phối hợp tổ chức kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quản lý khoa học và công nghệ

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định, cho ý kiến về công nghệ của dự án đầu tư, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp; chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư; hướng dẫn các doanh nghiệp trong KCN, KKT các nội dung về khoa học và công nghệ; giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của các dự án đầu tư vào KCN, KKT;

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ của các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Ban Quản lý thực hiện thẩm định, cho ý kiến về công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với trường hợp công nghệ của dự án đầu tư vào KCN, KKT thuộc đối tượng phải thẩm định theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý hướng dẫn các doanh nghiệp trong KCN, KKT các nội dung về khoa học và công nghệ; giải quyết các khó khăn,

vướng mắc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của các dự án đầu tư vào KCN, KKT theo đề nghị của doanh nghiệp hoặc Ban Quản lý;

c) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan có liên quan kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ của các doanh nghiệp trong KCN, KKT trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư có liên quan đến lĩnh vực hoạt động chuyển giao công nghệ;

d) Phối hợp với Ban Quản lý trong công tác kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quản lý xuất nhập khẩu, quản lý thuế

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan khu vực XVI tổng hợp số liệu phục vụ cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án đầu tư trong KCN, KKT và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

b) Trao đổi, cung cấp thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc các văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư cho cơ quan thuế ngay sau khi cấp, để thực hiện công tác quản lý, theo dõi và áp dụng chính sách ưu đãi thuế theo quy định;

c) Phối hợp cung cấp thông tin về lao động nước ngoài, chuyên gia nước ngoài đang làm việc tại các doanh nghiệp trong KCN, KKT khi có đề nghị của cơ quan thuế.

2. Trách nhiệm của Thuế tỉnh

a) Phối hợp cung cấp số liệu thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế khi có đề nghị bằng văn bản của Ban Quản lý để phối hợp theo dõi, đôn đốc và xử lý vi phạm;

b) Phối hợp với Ban Quản lý đôn đốc các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thuế trong KCN, KKT thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và thực hiện thu thuế, phí, lệ phí theo đúng quy định của pháp luật thuế đối với nhà đầu tư và người lao động trong KCN, KKT thuộc phạm vi quản lý của cơ quan thuế.

3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan khu vực XVI

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp trong KCN, KKT các chính sách pháp luật có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, về công tác quản lý hải quan; giải quyết kịp thời những vướng mắc về thủ tục hải quan cho người khai hải quan và doanh nghiệp;

b) Cung cấp số liệu về xuất nhập khẩu, nộp thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với hàng nhập khẩu của các doanh nghiệp trong KCN, KKT (khi có yêu cầu) để Ban Quản lý và các đơn vị liên quan thực hiện quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của Sở Công Thương

Phối hợp với Ban Quản lý trong quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong KCN, KKT; trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ quản lý thuế, phòng, chống gian lận thương mại, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

Điều 12. Quản lý an ninh trật tự; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

a) Phối hợp với Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong KCN, KKT theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phân cấp, ủy quyền;

b) Phối hợp với Công an tỉnh, các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật; hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì tổng hợp tình hình, tiếp nhận thông tin về các vụ việc phát sinh; phối hợp với các cơ quan có liên quan xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đối với những nội dung vượt thẩm quyền;

d) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở thuộc thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Ban Quản lý trao đổi, cung cấp thông tin về tình hình an ninh, trật tự; hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; phối hợp xử lý các vụ việc phát sinh thuộc phạm vi quản lý;

c) Phối hợp tổ chức kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch hoặc đột xuất; xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Phối hợp nắm tình hình, kịp thời thông tin các vụ việc phát sinh; tham gia xử lý theo thẩm quyền hoặc phối hợp với cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

c) Phối hợp huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ tham gia xử lý các tình huống khẩn cấp khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Phối hợp thực hiện các hoạt động tại cửa khẩu

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý

Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện quản lý các hoạt động tại các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành và Nội quy cửa khẩu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Trách nhiệm của Sở Ngoại vụ

a) Phối hợp với Ban Quản lý liên hệ, trao đổi thông tin và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến cơ quan chức năng phía đối đẳng tại khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu;

b) Phối hợp, hướng dẫn Ban Quản lý thực hiện hoạt động đối ngoại tại khu vực cửa khẩu theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị liên quan tại cửa khẩu (Bộ đội biên phòng, Hải quan, Thuế, Công an, Bộ phận cấp phép vận tải quốc tế, Kiểm dịch y tế, Kiểm dịch động vật; Kiểm dịch thực vật)

a) Thực hiện quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp về hoạt động quản lý chuyên ngành;

b) Phối hợp với Ban Quản lý thực hiện Nội quy cửa khẩu được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 14. Công tác xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý trong việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong KCN, KKT theo quy định của pháp luật.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực quản lý, cơ quan có thẩm quyền chủ trì xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành; trường hợp vượt thẩm quyền thì kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

3. Các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm có trách nhiệm trao đổi thông tin, phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan liên quan trong quá trình xử lý vi phạm để bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước đối với KCN, KKT.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Ban Quản lý

1. Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này; theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện.

2. Là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện Quy chế; chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền.

3. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Quy chế; đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết.

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung phối hợp quy định tại Quy chế này.

2. Chủ động phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan có liên quan trong việc trao đổi thông tin, cung cấp tài liệu, giải quyết các nội dung thuộc phạm vi quản lý; chịu trách nhiệm về nội dung phối hợp thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị mình.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của Ban Quản lý hoặc cơ quan có thẩm quyền; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phối hợp.

Điều 17. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu của Ban Quản lý để phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nội dung, thời điểm và hình thức báo cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; khuyến khích thực hiện việc trao đổi, gửi, nhận thông tin bằng phương thức điện tử.

3. Trường hợp phát sinh vụ việc phức tạp hoặc có nội dung vượt thẩm quyền, cơ quan phát hiện hoặc cơ quan chủ trì xử lý có trách nhiệm kịp thời thông tin cho Ban Quản lý để phối hợp xử lý hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Ban Quản lý để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới./.